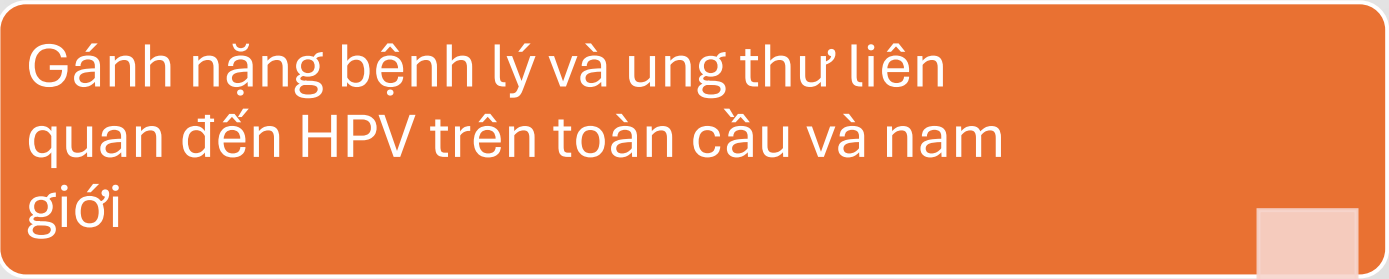


HPV chỉ tiêm cho phụ nữ hay cả nam giới ?

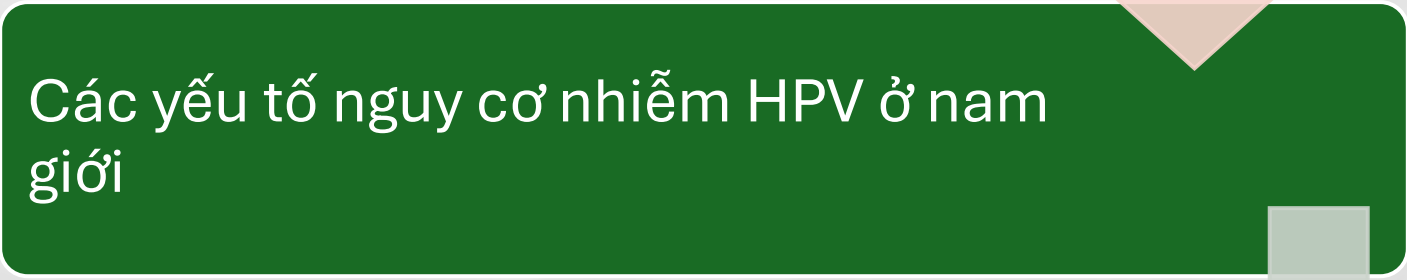
TS. BS Nguyễn Huy Luân –
Bộ môn Nhi, Đại Học Y Dược TP.HCM.

Nội dung

Gánh nặng bệnh lý và ung thư liên quan đến HPV trên toàn cầu và nam giới



Các yếu tố nguy cơ nhiễm HPV ở nam giới



Hiệu lực vắc xin HPV ở nam giới



Gánh nặng bệnh lý và ung thư liên quan đến HPV trên toàn cầu và nam giới

GÁNH NẶNG BỆNH LÝ VÀ UNG THƯ LIÊN QUAN ĐẾN HPV TRÊN TOÀN CẦU

Ước tính tỷ lệ mắc ung thư và bệnh liên quan đến HPV trên toàn cầu hàng năm

(Liên quan đến các týp HPV 6, 11, 16, 18, 31, 33, 45, 52, 58)¹⁻³



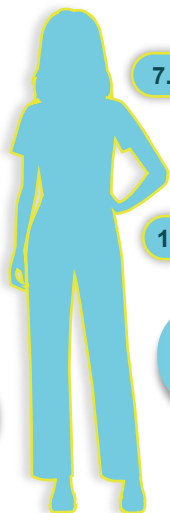
MỖI PHÚT

Có 1 cá nhân được chẩn đoán mắc bệnh ung thư liên quan đến HPV trên toàn cầu^a

UT cổ tử cung^{1,a} — 530.000

UT âm hộ & âm đạo^{1,a} — 20.500

HÀNG TRIỆU TRƯỜNG HỢP
LOẠN SẢN CỔ TỬ CUNG^{3-5,b}



7.500 — UT đầu và cổ^{1,a}

18.000 — UT hậu môn^{1,a}

HÀNG TRIỆU TRƯỜNG HỢP
MỤN CỐC SINH DỤC^{2,4}



30.000

17.000

13.000 — UT dương vật^{1,a}

~1 TRONG 30

Trường hợp mắc ung thư mới mỗi năm do các týp HPV này gây ra^{1,6,a}



Các ước tính có khả năng thấp hơn gánh nặng thực sự và các tổn thương tiền ung thư ở âm hộ, âm đạo, hậu môn và dương vật không được tính đến do sự khác biệt và khó khăn trong hệ thống sàng lọc, chẩn đoán và báo cáo trên khắp thế giới.

HPV là nguyên nhân gây ra nhiều bệnh lý và ung thư ở cả nam và nữ!

^a Ước tính tỷ lệ mắc bệnh dựa trên dữ liệu GCO 2018 ¹; ^b Bao gồm dữ liệu từ 31 quốc gia Châu Âu. ³ GCO = Global Cancer Observatory; HPV = human papillomavirus

Tài liệu tham khảo:

1. de Martel C et al. *Lancet Glob Health*. 2020;8:e180–e190. 2. Patel H et al. *BMC Infect Dis*. 2013;13:39. 3. Hartwig S et al. *Infect Agent Cancer*. 2017;12:19. 4. United Nations Department of Economic and Social Affairs. Growing at a slower pace, world population is expected to reach 9.7 billion in 2050 and could peak at nearly 11 billion around 2100. Accessed April 10, 2023. www.un.org/development/desa/en/news/population/world-population-prospects-2019.html 5. Eurostat. Population on 1 January. Accessed April 10, 2023. ec.europa.eu/eurostat/databrowser/view/tps00001/default/table?lang=en 6. Bray F et al. *CA Cancer J Clin*. 2018;68:394–424

TỶ LỆ QUY KẾT DO HPV GÂY RA CÁC BỆNH LÝ VÀ UNG THƯ Ở NAM VÀ NỮ



HPV gây ra các bệnh lý và ung thư ở cả nam và nữ như: UT cổ tử cung, UT âm hộ, UT âm đạo, UT hậu môn, UT dương vật...và mụn cóc sinh dục¹⁻²

Ung thư cổ tử cung¹

~ 100%

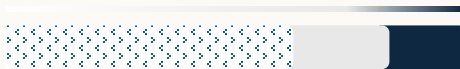


~ 70.8%

~ +18.7%

Ung thư âm đạo¹

~ 78%

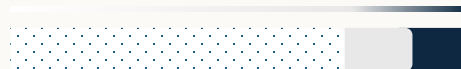


~ 63.7%

~ +21.6%

Ung thư âm hộ¹

~ 24.9%



~ 72.6%

~ +14.5%

Ung thư hậu môn¹

~ 88%



~ 87%

~ +8.9%

Ung thư dương vật¹

~ 50%



~ 70.2%

~ +14.4%

Mụn cóc sinh dục²

90% gây ra bởi HPV týp 6 và 11

Gây ra bởi HPV týp 16 và 18

Gây ra bởi HPV týp 31, 33, 45, 52 và 58

Không liên quan đến các týp HPV 16, 18, 31, 33, 45, 52 và 58

Vắc xin HPV chưa có chỉ định trên ung thư dương vật

HPV = human papillomavirus.

Tài liệu tham khảo:

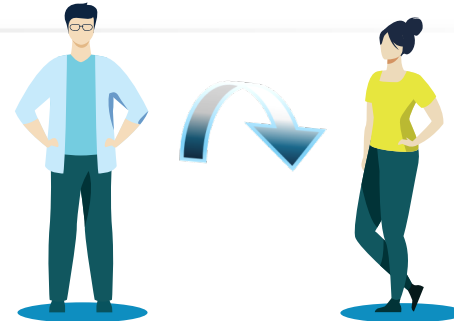
1. Catherine de Martel et al. Worldwide burden of cancer attributable to HPV by site, country and HPV type, <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC5520228/> 2. Centers for Disease Control and Prevention. Anogenital warts. Accessed February 7, 2023. www.cdc.gov/std/treatment-guidelines/anogenital-warts.htm#print

HPV LÀ BỆNH TRUYỀN NHIỄM QUA ĐƯỜNG TÌNH DỤC PHỔ BIẾN NHẤT TRÊN TOÀN CẦU¹



>8 trong 10 người

có hoạt động tình dục sẽ có nguy cơ nhiễm HPV vào một thời điểm nào đó trong đời¹⁻³



Nhiều người không nhận ra rằng họ đã mắc phải HPV vì không có bất kỳ dấu hiệu hoặc triệu chứng nào, do đó họ có thể vô tình lây nhiễm cho người khác^{1,4}

Hầu hết các trường hợp nhiễm HPV sẽ tự khỏi mà không cần can thiệp.
Tuy nhiên nhiễm dai dẳng có thể dẫn đến một số bệnh ung thư và các bệnh lý khác.⁵⁻⁸

HPV = human papillomavirus.

Tài liệu tham khảo:

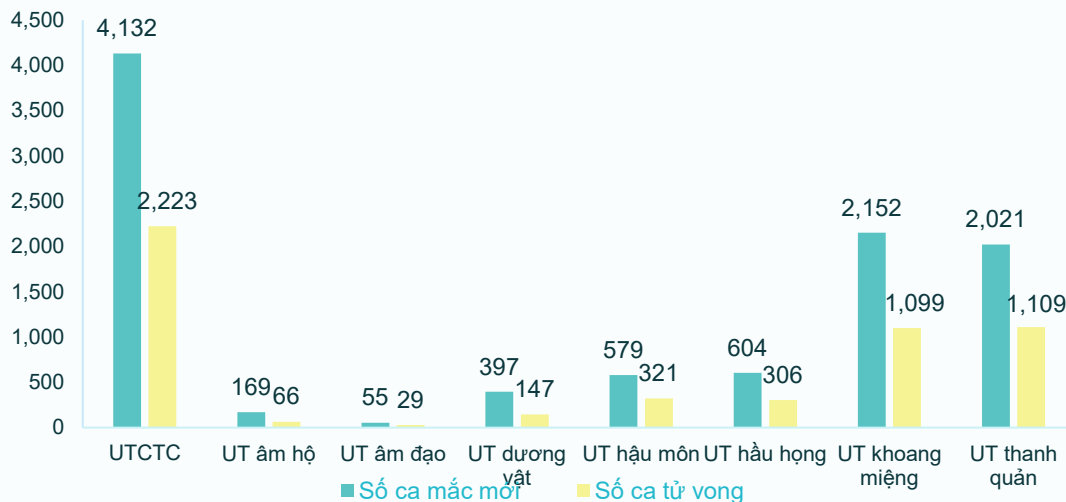
1. World Health Organization. Questions and answers about HPV vaccination: Information for parents and caregivers. Accessed May 4, 2023. <https://apps.who.int/iris/rest/bitstreams/1453926/retrieve>. 2. Centers for Disease Control and Prevention. Reasons to get HPV vaccine. Accessed May 4, 2023. <https://www.cdc.gov/hpv/parents/vaccine/six-reasons.html>. 3. World Health Organization. Cervical cancer. Accessed May 4, 2023. <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/cervical-cancer>. 4. Centers for Disease Control and Prevention. General HPV infection – basic fact sheet. Accessed May 4, 2023. <https://www.cdc.gov/std/hpv/stdfact-hpv.html#print>. 5. Centers for Disease Control and Prevention. Epidemiology and Prevention of Vaccine-Preventable Diseases. 14th ed. Public Health Foundation; 2021. Accessed June 22, 2023. <https://www.cdc.gov/vaccines/pubs/pinkbook/downloads/hpv.pdf>.

6. Centers for Disease Control and Prevention. HPV and oropharyngeal cancer. Accessed April 10, 2023. https://www.cdc.gov/cancer/hpv/basic_info/hpv_oropharyngeal.htm. 7. Centers for Disease Control and Prevention. Human papillomavirus (HPV) infection. Accessed April 10, 2023. <https://www.cdc.gov/std/treatment-guidelines/hpv.htm>. 8. Centers for Disease Control and Prevention. Cancers caused by HPV. Accessed September 19, 2023. <https://www.cdc.gov/hpv/parents/cancer.html>.

GÁNH NẶNG BỆNH LÝ VÀ UNG THƯ LIÊN QUAN ĐẾN HPV TẠI VIỆT NAM

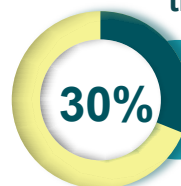
Ung thư liên quan HPV¹

Năm 2020



Mụn cóc sinh dục²

Mụn cóc sinh dục với hàng triệu ca mắc chiếm đến



các ca bệnh lây truyền qua đường tình dục



Độ tuổi thường gặp

20 – 40 tuổi

Số ca mắc mới và tử vong do ung thư liên quan đến HPV tại Việt Nam **CÒN CAO**. Bên cạnh đó, bệnh lý mụn cóc sinh dục cũng là **GÁNH NẶNG CẦN ĐƯỢC CHÚ Ý**.

Tài liệu tham khảo:

1. HPV INFORMATION CENTRE 2020. <https://hpvcentre.net/statistics/reports/VNM.pdf?i=1728843943222>. Truy cập: 14/10/2024.

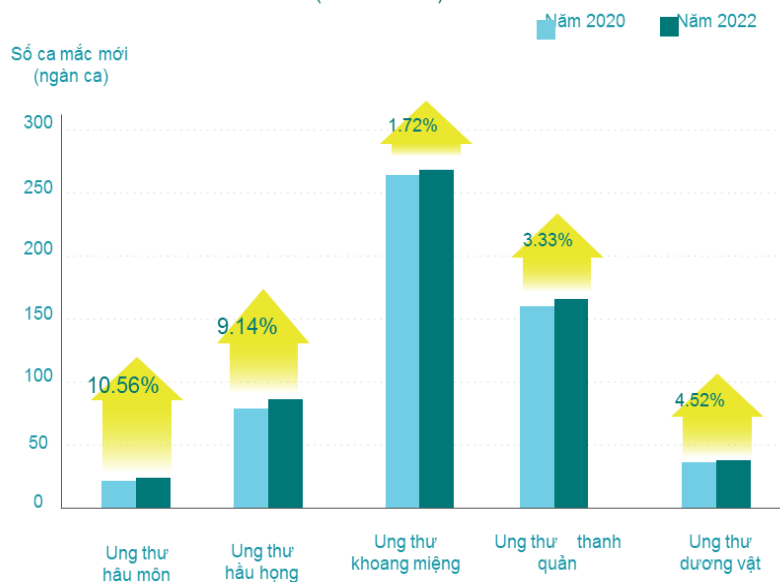
2. <https://www.bvdl.org.vn/d-9745.5.1320/lu-van-benh-lay-truyen-qua-duong-linh-duc/benh-vien-da-lieu-to-hcm-ghi-nhan-so-tre-mac-mun-com-sinh-duc-ngay-cang-cao.html>.

Tên bài: BỆNH VIỆN DA LIỄU TP.HCM GHI NHẬN SỐ TRẺ MẮC MỤN CƠM SINH DỤC NGÀY Càng CAO. Truy cập: 02/06/2025

Vắc xin HPV 9 giá không có chỉ định phòng ngừa Ung thư Dương vật, Ung thư hậu môn, Ung thư thanh quản gây ra bởi HPV.

GÁNH NẶNG BỆNH LÝ, UNG THƯ LIÊN QUAN ĐẾN HPV Ở NAM GIỚI

Thống kê số ca mắc mới bệnh lý, ung thư liên quan HPV ở nam giới (2020 - 2022)^{1,2}

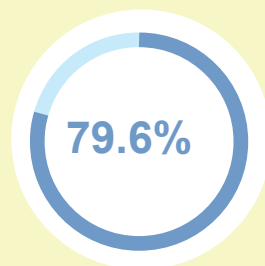


Nhiều khu vực trên thế giới ghi nhận **SỰ GIA TĂNG** số ca mắc mới bệnh lý, ung thư liên quan HPV ở nam giới ^{1,2,3}

Vắc xin HPV không có chỉ định trên các bệnh lý ung thư đầu cổ và ung thư dương vật tại Việt Nam

Tỷ lệ hiện diện của HPV trong các loại ung thư liên quan ở nam giới **CAO ĐÁNG KỂ**⁴

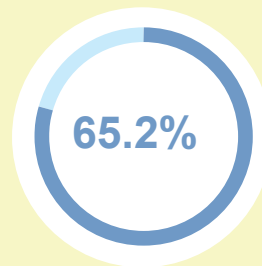
Ung thư dương vật



Việt Nam⁵

2013

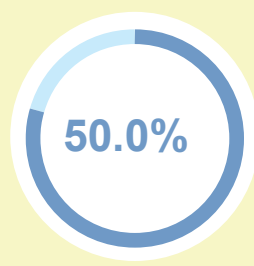
Ung thư đầu cổ



Ấn Độ⁶

1996-2011

Ung thư hậu môn



Myanmar^{4,7}

2008-2012

HPV = human papillomavirus.

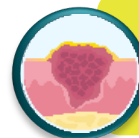
Tài liệu tham khảo:

1. Bray et al. "Global cancer statistics 2022: GLOBOCAN estimates of incidence and mortality worldwide for 36 cancers in 185 countries." CA: a cancer journal for clinicians 74.3 (2024): 229-263 2. Sung H et al. Global Cancer Statistics 2020: GLOBOCAN Estimates of Incidence and Mortality Worldwide for 36 Cancers in 185 Countries. CA Cancer J Clin. 2021 May;71(3):209-249. <https://acsjournals.onlinelibrary.wiley.com/doi/10.3322/caac.21660> 3. Kim S et al. Urogenital Tract Infection 2024;19(3):51-59. DOI: <https://doi.org/10.14777/uti.2448030015> 4. IPEC 2024. Marisa Felscher et al. 2024. Epidemiological burden of human papillomavirus (HPV)-related cancers among men in low and middle-income countries (LMIC): A systematic literature review (SLR). 5. Phạm TTT et al. (2018). Human Papillomavirus Genotypes and HPV16 E6/E7 Variants among Patients with Genital Cancers in Vietnam. Japanese journal of infectious diseases, 71(6), 419-426. 6. Sarkar S et al. 2017. Human papilloma virus (HPV) infection leads to the development of head and neck lesions but offers better prognosis in malignant Indian patients. Medical microbiology and immunology, 206(3), 267-276. 7. Shwe MM et al (2016). Determination of Oncogenic Human Papillomavirus (HPV) Genotypes in Anogenital Cancers in Myanmar. Acta medica Okayama, 70(2), 103-110.

KHÔNG CHỈ NỮ GIỚI, HPV CŨNG NGUY HIỂM ĐỐI VỚI NAM GIỚI

~1/3 nam giới từ 15 tuổi trở lên
bị nhiễm ít nhất một týp HPV
sinh ung thư^{1,2}

40% các ca ung thư
liên quan đến HPV
xảy ra ở nam giới³
(Hoa Kỳ, 2001-2017)



90%
MỤN CỐC SINH DỤC^{4,a,b}



89%
UT HẬU MÔN^{5,c}



70%
UT ĐẦU CỎ^{7,8}

Do nhiễm HPV gây ra

**DỰ PHÒNG HPV SỚM Ở TRẺ TRAI VỊ THÀNH NIÊN GIÚP
GIẢM NGUY CƠ MẮC CÁC BỆNH LÝ, UNG THƯ TRONG TƯƠNG LAI^{2,6}**

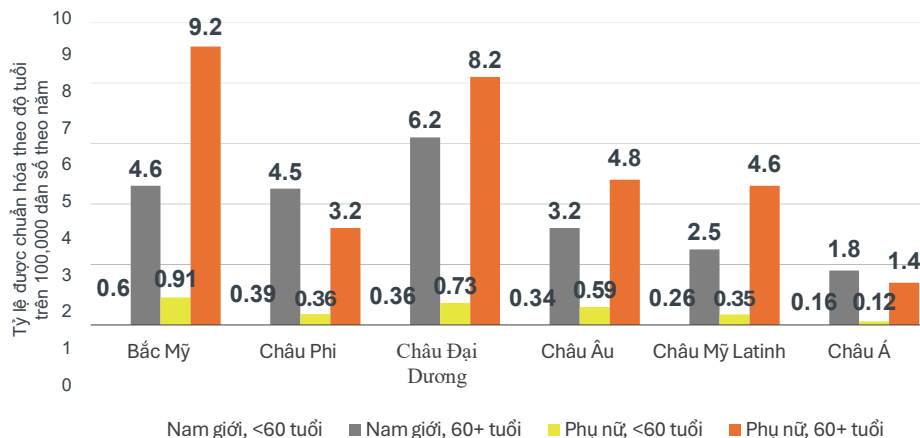
HPV = human papillomavirus; UT = Ung thư.

^aDữ liệu từ Hoa Kỳ. ^bGây ra bởi HPV týp 6, 11. ^cGây ra bởi bất kỳ týp HPV nào.

Tài liệu tham khảo: 1. Bruni L, Albero G, Rowley J, Alemany L, Arbyn M, Giuliano AR, et al. Global and regional estimates of genital human papillomavirus prevalence among men: a systematic review and meta-analysis. Lancet Glob Health. 2023;11(9):e1345-62. [https://doi.org/10.1016/s2214-109x\(23\)00305-4](https://doi.org/10.1016/s2214-109x(23)00305-4). 2. Felsher M et al. 2024. Epidemiological burden of human papillomavirus-related cancers among men in low and middle-income countries: A systematic literature review. Presented at IPVC November, 12-15, 2024, Edinburgh, United Kingdom. 3. Liao CJ, Francoeur AA, Kapp DS, Caesar MAP, Huh WK, Chan JK. Trends in human papillomavirus-associated cancers, demographic characteristics, and vaccinations in the US, 2001-2017. JAMA Netw Open. 2022;5(3):e222530. <https://doi.org/10.1001/jamanetworkopen.2022.2530>. 4. Centers for Disease Control and Prevention. Anogenital warts. Accessed February 7, 2023. www.cdc.gov/std/treatment-guidelines/anogenital-warts.htm#print. 5. Centers for Disease Control and Prevention. "Cancers Linked With HPV Each Year." Centers for Disease Control and Prevention, U.S. Department of Health and Human Services. <https://www.cdc.gov/cancer/hpv/cases.html>. Accessed 23 September 2024. 6. Rosado C et al. 2023. Impact of Human Papillomavirus Vaccination on Male Disease: A Systematic Review. Vaccines, 11(6), 1083. 3. Zumsteg ZS et al. (2023). Global epidemiologic patterns of oropharyngeal cancer incidence trends. Journal of the National Cancer Institute, 115(12), 1544-1554. <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/37603716/>. 4. de Martel C et al. Lancet Glob Health. 2020;8:e180-e190. <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/31862245/>.

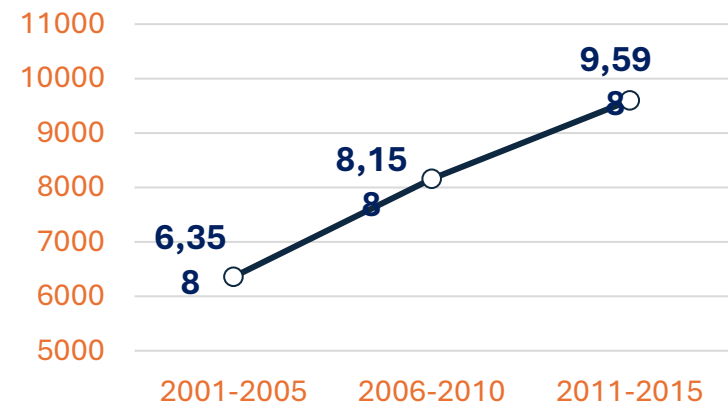
UNG THƯ HẬU MÔN ĐANG CÓ XU HƯỚNG GIA TĂNG^{2,3}

Ước tính tỷ lệ mắc mới ung thư hậu môn được chuẩn hóa theo độ tuổi (Thế giới) năm 2020



Tỷ lệ mắc mới ung thư hậu môn cao nhất ở cả nam và nữ từ >60 tuổi.¹

Các trường hợp ung thư hậu môn ở Nam giới tại Hoa Kỳ, 2001 – 2015 ^{2a}



Tỷ suất mắc ung thư tế bào gai hậu môn đang gia tăng ở Nam giới tại Hoa Kỳ và các quốc gia đang phát triển khác^{2,3}

HPV, human papillomavirus; * Xu hướng tỷ lệ mắc bệnh từ năm 2001–2015 dựa trên bộ dữ liệu Thống kê Ung thư Hoa Kỳ. Một phép hồi quy Joinpoint được sử dụng để tính toán tỷ lệ thay đổi hàng năm và tỷ lệ thay đổi trung bình hàng năm. Các mô hình tỷ lệ mắc bệnh theo từng nhóm tuổi 5 năm và nhóm sinh được đánh giá bằng cách sử dụng tỷ lệ mắc bệnh và mô hình hóa tuổi-giai đoạn-thể hệ.

Tài liệu tham khảo:

1. International Agency for Research on Cancer. Cancer Today, 2020. [Cancer Today \(iarc.fr\)](https://gco.iarc.fr/). Accessed: 07 February 2022. 2. Deshmukh AA et al. J Natl Cancer Inst. 2020;112(8):829–838. 3. Kang YJ et al. PLoS One. 2018;13(10):e0205105. Erratum in: PLoS One. 2019;14(5):e0216884

UNG THƯ ĐẦU CỔ Ở NAM GIỚI



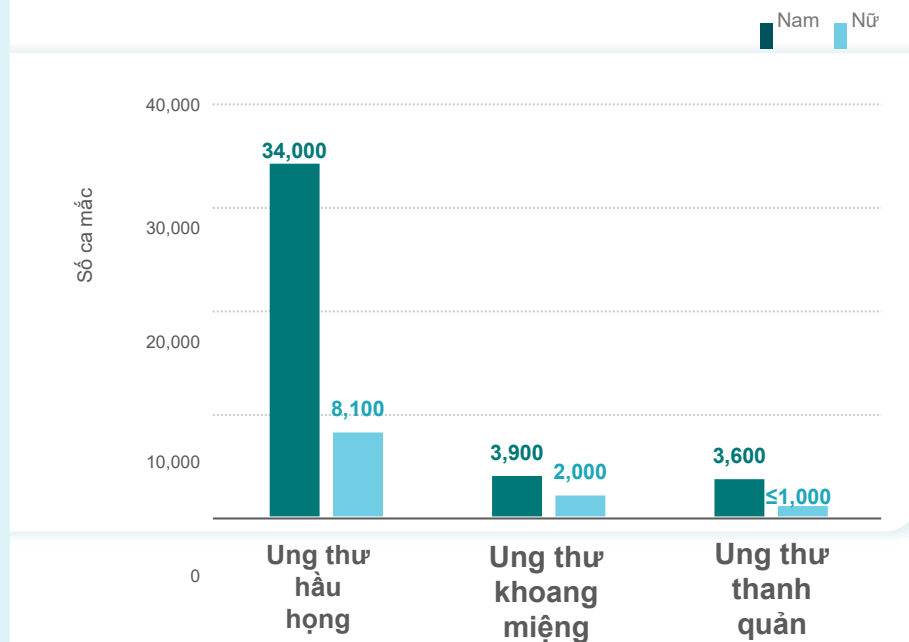
~70%

trường hợp có liên
quan đến HPV, đặc
biệt HPV 16^{1,2}

- Tỷ lệ mắc ung thư hầu họng đã tăng đáng kể ở nhiều khu vực trên toàn cầu^{3,a}
- trên toàn cầu^{3,a}

Gánh nặng ung thư đầu cổ liên quan đến HPV ở nam giới cao hơn phụ nữ⁴

Số ca mắc ung thư đầu cổ do HPV trên toàn cầu, theo giới tính^{4,b}



HPV = human papillomavirus; OPC = oropharyngeal cancer = ung thư hầu họng; UT = ung thư.

^aTổng cộng có 13 quốc gia phát triển và kinh tế tại châu Á (Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc), Bắc Mỹ (Hoa Kỳ và Canada), Nam Mỹ (Brazil), Châu Đại Dương (Úc và New Zealand) và Bắc Âu (Anh, Đan Mạch, Áo, Iceland và Na Uy) ghi nhận mức tăng trên 3% mỗi năm.

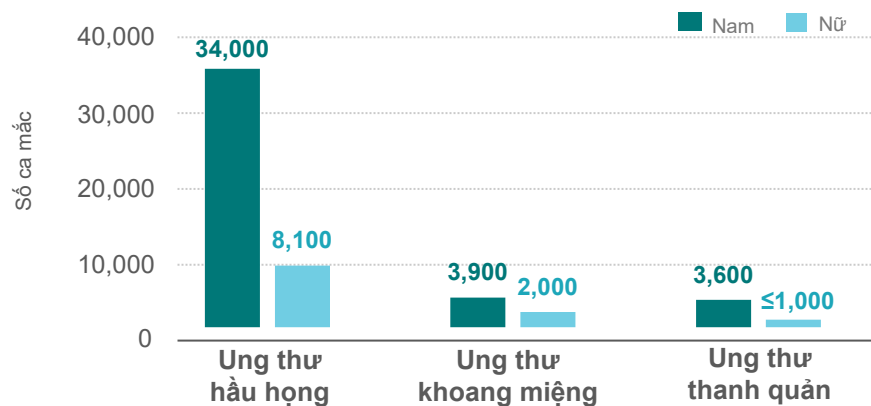
^bCác vị trí ung thư có số liệu ước tính đã được trích xuất trực tiếp từ GLOBOCAN 2018 thông qua trang web Cancer Today.

Tài liệu tham khảo:

1. Bruni L et al. ICGIARC Information Centre on HPV and Cancer (HPV Information Centre). Human Papillomavirus and Related Diseases in the World. Summary Report 10 March 2023. <https://hpvcentre.net/statistics/reports/2023.pdf> 2. Centers of Disease Control and Prevention (CDC) 2020. HPV and oropharyngeal cancers, viewed on 28 October 2021. <https://www.cdc.gov/cancer/hpv/oropharyngeal-cancer.html> 3. Zumsteg ZS et al. (2023). Global epidemiologic patterns of oropharyngeal cancer incidence trends. Journal of the National Cancer Institute, 115(12), 1544–1554. <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/37603710/> 4. de Martel C et al. Lancet Glob Health. 2020;8:e180–e190. <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/31862245/>

UNG THƯ ĐẦU CỔ VÀ UNG THƯ DƯƠNG VẬT Ở NAM GIỚI

Số ca mắc ung thư đầu cổ do HPV trên toàn cầu, theo giới tính^{1,b}



~70%

trường hợp có liên quan đến HPV, đặc biệt HPV 16^{1,2}

- Tỷ lệ mắc ung thư hầu họng đã tăng đáng kể ở nhiều khu vực trên toàn cầu^{1,a}
- Gánh nặng ung thư đầu cổ liên quan đến HPV ở nam giới cao hơn phụ nữ²

Vắc xin HPV không có chỉ định trên các bệnh lý ung thư đầu cổ tại Việt Nam

aTổn cộng có 13 quốc gia phát triển về kinh tế tại châu Á (Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc), Bắc Mỹ (Hoa Kỳ và Canada), Nam Mỹ (Brazil), Châu Đại Dương (Úc và New Zealand) và Bắc Âu (Anh, Đan Mạch, Áo, Iceland và Na Uy) ghi nhận mức tăng trên 3% mỗi năm.

bCác vị trí ung thư có số liệu ước tính đã được trích xuất trực tiếp từ GLOBOCAN 2018 thông qua trang web Cancer Today.

HPV = human papillomavirus; UT = ung thư.

Tài liệu tham khảo:

1. Zainsteg ZS et al. (2023). Global epidemiologic patterns of oropharyngeal cancer incidence trends. Journal of the National Cancer Institute, 115(12), 1544–1554. <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/37603716/> 2. de Martel C et al. Lancet Glob Health. 2020;8:e180–e190. <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/31862245/> 3. Alemany L et al. Eur Urol. 2016;69(5):953–961. <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/26762611/> 5. Bruni L et al. ICO/IARC Information Centre on HPV and Cancer (HPV Information Centre). Human Papillomavirus and Related Diseases in the World. Summary Report 10 March 2023. <https://hpvcentre.net/statistics/reports/XWX.pdf> 6. Centers of Disease Control and Prevention (CDC) 2020, HPV and oropharyngeal cancers, viewed on 28 October 2021, <https://www.cdc.gov/cancer/hpv/oropharyngeal-cancer.html>.

MỤN CỐC SINH DỤC/SÙI MÀO GÀ

Mụn cóc sinh dục là những tổn thương ở vùng sinh dục-hậu môn, có thể xuất hiện ở bìu, dương vật, bẹn và trong/xung quanh hậu môn.¹



Nhiễm HPV và lây truyền MCSD¹

- Khoảng **3/4** bệnh nhân của bệnh nhân sẽ xuất hiện mụn cóc sinh dục trong vòng 8 tháng tiếp xúc, phơi nhiễm HPV.
- Nhiễm HPV tiềm ẩn (không có triệu chứng) cũng có thể lây truyền. Nếu có quan hệ tình dục không an toàn với người bị nhiễm HPV thì có **70%** khả năng họ sẽ bị lây nhiễm HPV.

Phát triển và tái phát MCSD¹

- Hầu hết mụn cóc sinh dục sẽ **tái phát trong vòng 3 tháng** sau khi hoàn thành liệu pháp điều trị ban đầu, ngay cả khi đã được điều trị đúng cách.



90%

Các trường hợp do HPV 6 và HPV 11 gây ra²

• Tỷ lệ mắc mới^{3,a} **137** (103-168) /100,000 người/năm

• Tỷ lệ lưu hành^{3,a} **0.06 - 5.1%**

Bệnh viện Da liễu Trung ương³



88,165 ca

2020 - 2024

BN <15 tuổi

hơn 1,000 ca được ghi nhận

19-40 tuổi

Độ tuổi mắc nhiều nhất

59.9%

là Nam giới

*Một tìm kiếm tài liệu toàn diện đã được thực hiện về tỷ lệ mắc mới và tỷ lệ hiện mắc mụn cóc sinh dục trên toàn thế giới từ năm 2001 đến năm 2012; báo cáo dựa trên cơ sở dữ liệu hành chính hồi cứu, tổng quan hồ sơ bệnh án, hoặc báo cáo được thu thập tiền cứu từ bác sĩ.
HPV = human papillomavirus.

Tài liệu tham khảo:

1. Schiller et al., Plotkin's Vaccines, 7th Ed, Ch30 - Human Papillomavirus Vaccines, 2018: 430-455. 2. The MMWR series of publications is published by the Center for Surveillance, Epidemiology, and Laboratory Services, Centers for Disease Control and Prevention (CDC), U.S. Department of Health and Human Services, Atlanta, GA 30329-4027. 3. Patel H et al. BMC Infect Dis. 2013 Jan 5;13:39. <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/23347441/>.

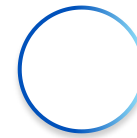
GÁNH NẶNG TÁI NHIỄM HPV & TÁI PHÁT MỤC CỐC SINH DỤC SAU ĐIỀU TRỊ

Nhiễm HPV sinh dục sau điều trị
(Hoa Kỳ, Brazil, Mexico)¹



20-31% các nam giới được theo dõi định kỳ mỗi 6 tháng trong thời gian 3.7 năm phát hiện có sự tái nhiễm với HPV.

Tỷ lệ mắc mới MCSD sau điều trị
(Hoa Kỳ, Brazil, Mexico)²



44% xuất hiện ít nhất một MCSD sau điều trị sau 4 năm



a Các typ HPV được đánh giá: 6, 11, 16, 18, 31, 35, 45, 52, 58

Tài liệu tham khảo:

1. Pamnani SJ, et al. *J Infect Dis.* 2018;218(8):1219-1227. <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC6455897/>. 2. Giuliano AR, et al. *J Infect Dis.* 2019;219(5):703-710. <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC6376908/>

ẢNH HƯỞNG TÂM LÝ VÀ GÁNH NẶNG KINH TẾ

Triệu chứng: xuất hiện các nốt sùi, không được điều trị có thể bội nhiễm gây ngứa, chảy máu hoặc tiết dịch có mùi hôi khó chịu¹

BẤT THƯỜNG CHỨC NĂNG SINH DỤC¹



GÁNH NẶNG TÂM LÝ^{2,3}

Ảnh hưởng khả năng cương dương, gây rối loạn chức năng tình dục, chất lượng cuộc sống tình dục¹

Ảnh hưởng tâm lý nặng nề: lo lắng, xấu hổ, trầm cảm về hình ảnh bản thân trước bạn tình^{2,3}



TĂNG NGUY CƠ LÂY TRUYỀN CHO BẠN TÌNH

40.4% phụ nữ nhiễm HPV trong vòng 2 năm kể từ khi bắt đầu mối quan hệ tình dục với bạn tình nam⁴

Lây nhiễm chéo giữa các bạn tình thường dẫn đến nhiễm HPV dai dẳng, mắc CIN và UTCTC⁵

Tất cả các phương pháp điều trị hiện nay chưa loại trừ được HPV nên **nguy cơ tái phát cao**⁶



Ước tính có khoảng 200 triệu USD được chi hàng năm ở Hoa Kỳ để điều trị mụn cóc sinh dục nhưng không mang lại hiệu quả⁷

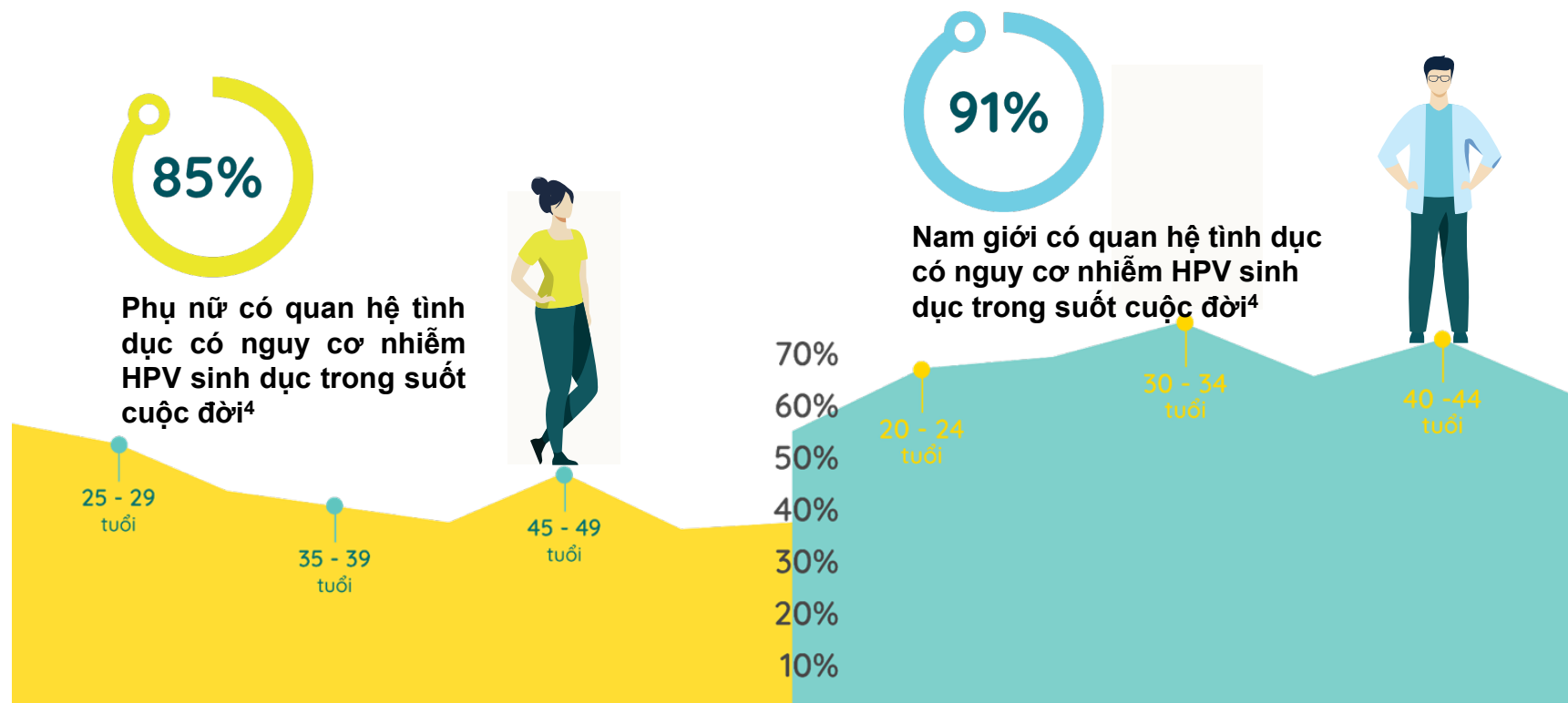
CIN= cervical intraepithelial neoplasia; tiền ung thư cổ tử cung; UTCTC= ung thư cổ tử cung

Tài liệu tham khảo:

1. Nia MH, Rahmanian F, Ghahartars M, Janghorban R. Sexual function and sexual quality of life in men with genital warts: a cross-sectional study. *Reprod Health*. 2022;19(1):102. Published 2022 Apr 27. doi:10.1186/s12978-022-01403-z. 2. Stephen W. Leslie et al. Genital Warts 2023 <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/books/NBK441884/>. 3. Qi, SZ., Wang, SM., Shi, JF. et al. Human papillomavirus-related psychosocial impact of patients with genital warts in China: a hospital-based cross-sectional study. *BMC Public Health* 14, 739 (2014). <https://doi.org/10.1186/1471-2458-14-739>. 4. Arthur AW, El-Zein M, Burchell AN, Teller PP, Coutlée F, Franco EL. Detection and clearance of type-specific and phylogenetically related genital human papillomavirus infections in young women in new heterosexual relationships. *J Infect Dis*. 2023. 5. Zou K, Huang Y, Li Z. Prevention and treatment of human papillomavirus in men benefits both men and women. *Front Cell Infect Microbiol*. 2022;12:12. <https://doi.org/10.3389/fcimb.2022.1077651>. 6. Stephen W. Leslie et al. Genital Warts 2023 <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/books/NBK441884/>. 7. Giuliano AR, et al. *J Infect Dis*. 2019;219(5):703-710. <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC6376908/>.

Các yếu tố nguy cơ nhiễm HPV ở nam giới

TỶ LỆ LƯU HÀNH HPV SINH DỤC Ở NAM CAO HƠN NỮ Ở MỌI LỨA TUỔI VÀ KHÔNG GIẢM THEO TUỔI^{1-3a}



Tài liệu tham khảo:

1. Shi, R., Devarakonda, S., Liu, L. et al. Factors associated with genital human papillomavirus infection among adult females in the United States, NHANES 2007–2010. BMC Res Notes 7, 544 (2014). 2. Giuliano A et al. The Human Papillomavirus Infection in Men Study: Human Papillomavirus Prevalence and Type Distribution among Men Residing in Brazil, Mexico, and the United States. Cancer Epidemiol Biomarkers Prev. 2008;17:2036–2043; 3. Alizon S et al. Why Human Papillomavirus Acute Infections Matter Viruses. 2017;9:293. 4. Chesson HW, Dunne EF, Hariri S, Markowitz LE. The estimated lifetime probability of acquiring human papillomavirus in the United States. Sex Transm Dis. 2014 Nov;41(11):660–4. doi: 10.1097/OLQ.0000000000000193. PMID: 25299412; PMCID: PMC6745688.

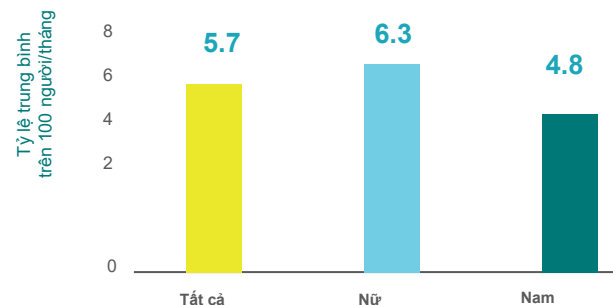
NAM GIỚI CÓ NGUY CƠ BỊ LÂY TRUYỀN CAO HƠN VÀ KHẢ NĂNG ĐÀO THẢI KÉM HƠN NỮ GIỚI

Tỷ lệ lây truyền HPV sinh dục giữa các cặp bạn tình



Tỷ lệ lây truyền HPV từ nữ sang nam cao hơn 60% so với nam sang nữ^a

Tỷ lệ đào thải HPV sinh dục, theo giới tính



Nam giới có tỷ lệ đào thải HPV thấp hơn 26% so với phụ nữ

HPV = human papillomavirus.

^aNghiên cứu thuần tập tiền cứu ở 447 phụ nữ 18–24 tuổi và 402 bạn tình nam ≥18 tuổi của họ (Montréal, Canada, 2005–2011). Phụ nữ theo dõi trong hơn 24 tháng và nam giới trên 4 tháng. Các mẫu bệnh phẩm sinh dục được thử nghiệm bằng Linear Array để phát hiện HPV DNA và xác định typ.

Tài liệu tham khảo:

1. Malagon T, et al. HITCH Study Group. *Epidemiology*. 2021 May 1;32(3):368–377.

NHIỄM MỚI HPV CÓ THỂ XẢY RA NGAY CẢ KHI KHÔNG CÓ BẠN TÌNH MỚI

Nghiên cứu đoàn hệ tiến cứu trên phụ nữ Hoa Kỳ (35-60 tuổi)^a



Ca nhiễm mới ở các týp HPV nguy cơ cao **xảy ra ở phụ nữ có 1 bạn tình hoặc không quan hệ trong thời gian nghiên cứu.**

Tỷ lệ nhiễm này có liên quan chặt chẽ đến xác suất **tích lũy phơi nhiễm HPV trong quá khứ** của họ^b

^aNhư đã được đánh giá trong nghiên cứu về HPV trong thời kỳ tiền mãn kinh, trong đó 731 phụ nữ ở độ tuổi 35–60 đã tham gia nghiên cứu ở Baltimore, Maryland, từ tháng 3 năm 2008 đến tháng 3 năm 2011 và được theo dõi trong phân tích phát hiện mới¹. ^bĐược xác định là hoạt động tình dục với cùng một bạn tình trong 6 tháng trước¹.

HPV = human papillomavirus.

Tài liệu tham khảo: Paul P et al. J Infect Dis. 2021;223:1423–1432.

KHÁNG THỂ SAU NHIỄM HPV TỰ NHIÊN Ở NỮ GIỚI KHÔNG ĐỦ ĐỂ BẢO VỆ KHỎI TÁI NHIỄM

Kháng thể đặc hiệu sau nhiễm
các týp HPV 16 và/hoặc 18

Chỉ giúp giảm nhẹ nguy
cơ nhiễm các týp HPV
16/18 sau này^{1,a,b}

30% - 35%

Kháng thể tạo ra sau nhiễm tự nhiên
không bảo vệ hoàn toàn
những lần nhiễm tiếp^{1,2}

^aDựa trên một đánh giá hệ thống và phân tích tổng hợp của 14 nghiên cứu đại diện cho 18 quốc gia và bao gồm hơn 24,000 người chưa được tiêm chủng¹.

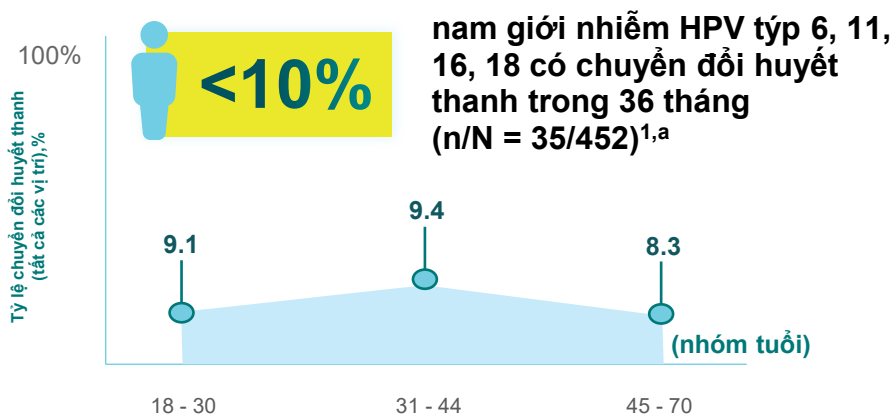
^bMiễn dịch tự nhiên đáng kể chống lại HPV đã được quan sát với kháng thể đặc hiệu của từng loại¹.

HPV = human papillomavirus.

Tài liệu tham khảo: 1. Helen Trottier et al. Cancer Res. 2010;70(21): 8569-8577 2. Beachler DC et al. J Infect Dis. 2016;213:1444–1454

KHÁNG THỂ SAU NHIỄM TỰ NHIÊN Ở NAM GIỚI KHÔNG ĐỦ BẢO VỆ KHỎI TÁI NHIỄM

Nghiên cứu phụ trong nghiên cứu tiến cứu HIM đánh giá tỷ lệ chuyển đổi huyết thanh trên 384 nam giới 18–70 tuổi (Brazil, Mexico và Mỹ, 2005–2009)



Tỷ lệ chuyển đổi huyết thanh **THẤP** sau khi nhiễm HPV khiến nam giới **dễ bị tái nhiễm** và có thể **tiến triển thành ung thư** liên quan đến HPV¹

Nhiễm 1 týp HPV làm **tăng nguy cơ tái nhiễm** với cùng týp đó trong nhiều năm sau²

Nguy cơ gia tăng tái nhiễm này xảy ra ở cả **nam giới hoạt động tình dục và độc thân**, cho thấy rằng nguyên nhân có thể từ việc **tự nhiễm, tái hoạt nhiễm tiềm ẩn hoặc cả hai**²

^aSau khi nhiễm HPV sinh dục hoặc hậu môn DNA dương tính với HPV 6, 11, 16 hoặc 18.

HPV = human papillomavirus.

Tài liệu tham khảo:

1. Giuliano AR et al. Papillomavirus Res. 2015;1:109–115. 2. Ranjeva SI et al. Proc Natl Acad Sci U S A. 2017;114:13573–13578.

QHTD LÀ CON ĐƯỜNG CHÍNH LÂY TRUYỀN HPV, NHƯNG KHÔNG PHẢI DUY NHẤT

Ngoài QHTD, HPV còn có thể được lây truyền qua các **tiếp xúc khác** không phải QHTD

Quan hệ tình dục (QHTD)¹



Khác giới



Đồng giới

Tiếp xúc khác không phải QHTD



Tiếp xúc trực tiếp
với da, màng nhầy
hoặc dịch cơ thể bị
nhiễm²



Vật dụng trung
gian: dụng cụ
thăm khám,
quần áo, khăn
tắm...³



NGUY CƠ NHIỄM
HPV VẪN HIỆN
HỮU DÙ QHTD
CHUNG THỦY

*Lưu ý: Bao cao su KHÔNG giúp
ngăn ngừa hoàn toàn lây truyền HPV
qua đường quan hệ tình dục*

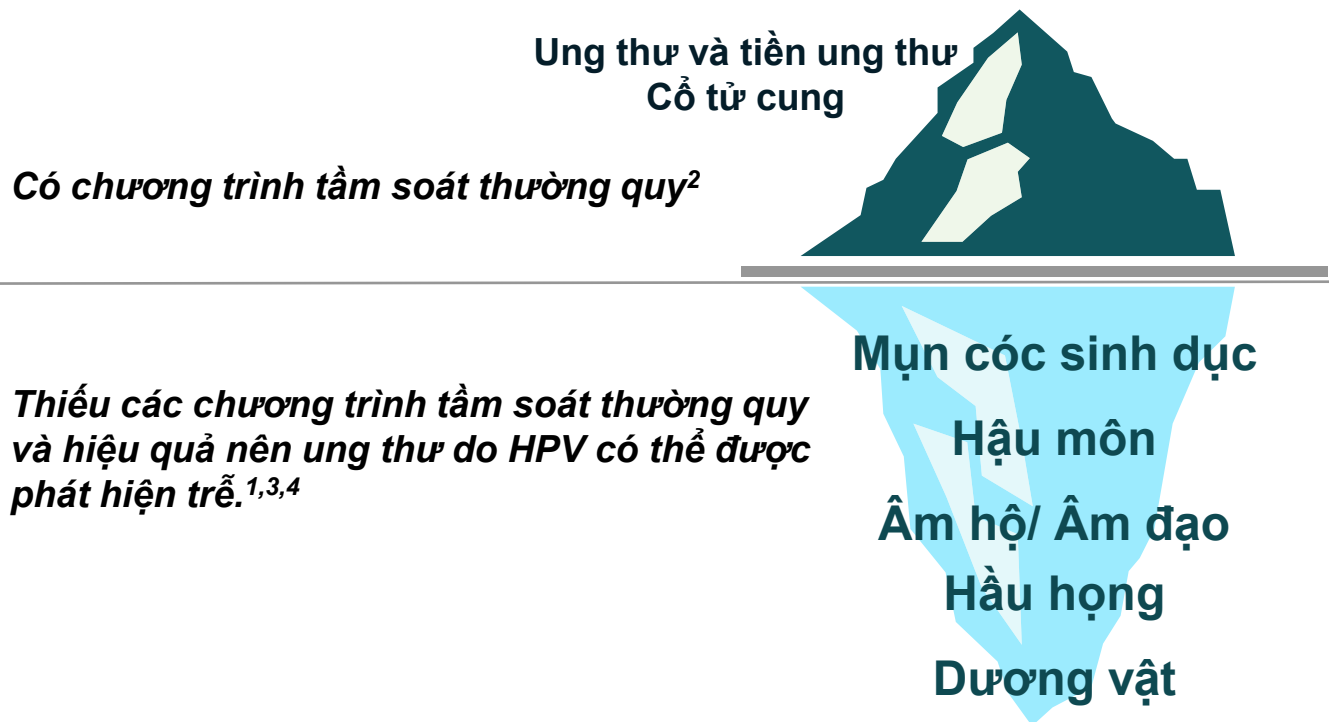
HPV = human papillomavirus; QHTD = quan hệ tình dục.

Tài liệu tham khảo: 1. Bharti AC. Et al (2018). Therapeutic strategies for human papillomavirus infection and associated cancers. Frontiers In Bioscience, 10: 15-73.

<https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/28930604/>. 2. World Health Organization. Questions and answers about human papillomavirus (HPV). Accessed March 13, 2023.

<https://apps.who.int/iris/handle/10665/360807> 3. Aggarwal N et al. (2021). Phytochemicals as Potential Chemopreventive and Chemotherapeutic Agents for Emerging Human Papillomavirus-Driven Head and Neck Cancer: Current Evidence and Future Prospects. Frontiers in pharmacology, 12, 699044. <https://pmc.ncbi.nlm.nih.gov/articles/PMC8329252/>.

CHƯƠNG TRÌNH THƯỜNG QUY CHỈ TẦM SOÁT UNG THƯ CỔ TỬ CUNG MÀ KHÔNG TẦM SOÁT CÁC BỆNH LÝ VÀ UNG THƯ KHÁC CŨNG DO HPV

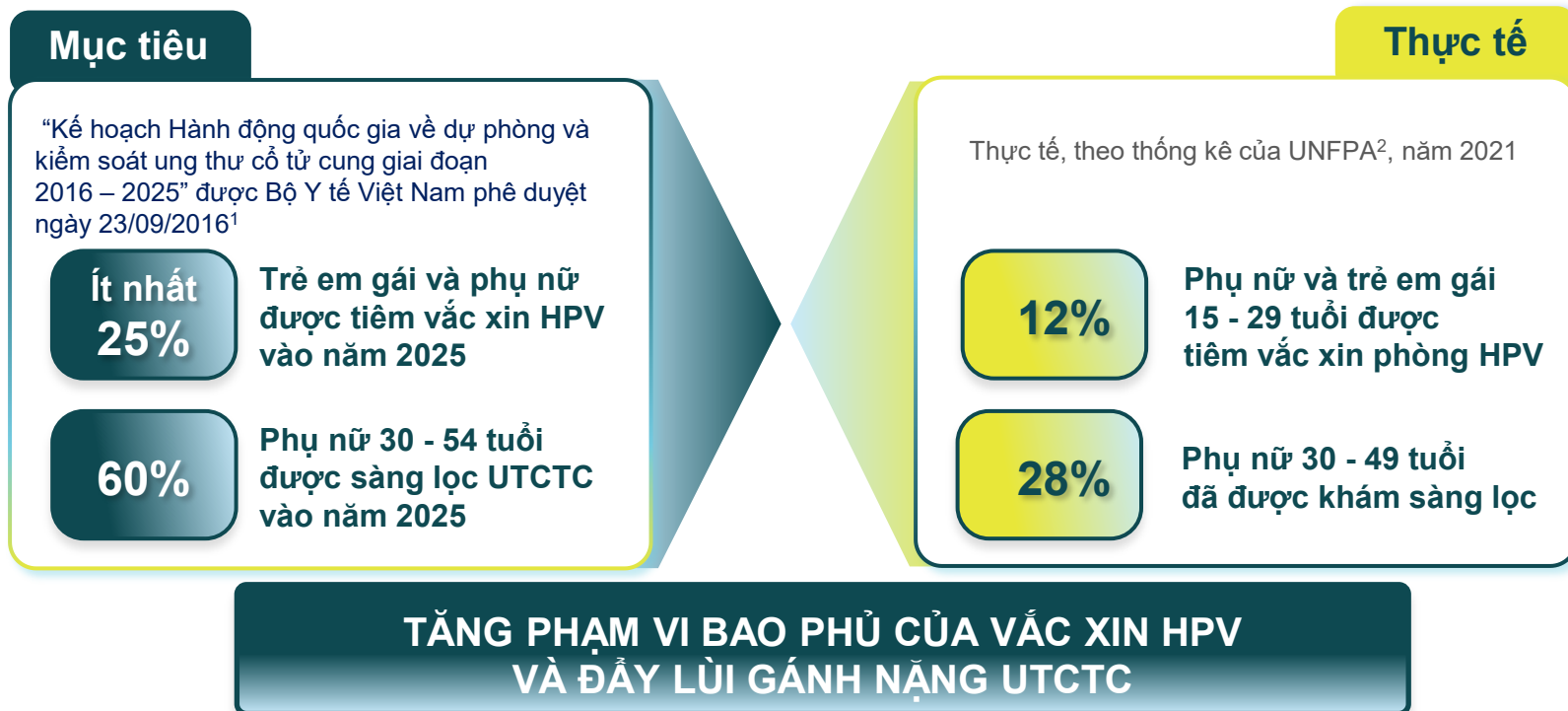


HPV = human papillomavirus.

Tài liệu tham khảo:

1. European Cancer Organization. A four step plan for eliminating HPV cancers in Europe. Accessed June 12, 2023. <https://www.europecancercancer.org/resources/159:viral-protection-achieving-the-possible-a-four-step-plan-for-eliminating-hpv-cancers-in-europe.html> 2. Ebell M et al. *Public Health Rev.* 2018;39:7. 3. National Cancer Institute. HPV and cancer. Accessed June 12, 2023. <https://www.cancer.gov/about-cancer/causes-prevention/risk/infectious-agents/hpv-and-cancer#ui-id-2> 4. HPV World. Screening for vulvar, vaginal and anal precancers. Accessed June 12, 2023. <https://www.hpvworld.com/articles/screening-for-vulvar-and-vaginal-precancers>

THỰC TRẠNG VỀ TỶ LỆ TIÊM CHỦNG HPV VÀ SÀNG LỌC UTCTC TẠI VIỆT NAM



UNFPA = United Nations Population Fund

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế. Kế hoạch Hành động quốc gia về dự phòng và kiểm soát ung thư cổ tử cung giai đoạn 2016-2025. Ban hành kèm theo Quyết định số 5240/QĐ-BYT ngày 23/09/2016
2. UNFPA Vietnam | An Investment Case Study on HPV vaccination in Viet Nam

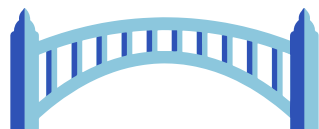
HIỆU LỰC VẮC XIN HPV Ở NAM GIỚI TRƯỞNG THÀNH



HIỆU LỰC CỦA VẮC XIN 4vHPV Ở NAM GIỚI 27-45 TUỔI ĐƯỢC CHỨNG MINH THÔNG QUA NGHIÊN CỨU MIỄN DỊCH BẮC CẦU

ĐỀ CƯƠNG V501-108

Hiệu lực của vắc xin 4vHPV ở nam giới từ 27 - 45 tuổi được chứng minh thông qua phân tích miễn dịch bắc cầu từ hiệu lực của vắc xin 4vHPV ở nam giới từ 16 - 26 tuổi.¹⁻³



Hiệu lực của vắc xin 4vHPV ở nam giới từ 16 - 26 tuổi⁴

90.6%

Hiệu lực chống lại các tổn thương bộ phận sinh dục ngoài liên quan đến các týp HPV 6, 11, 16, 18.

89.3%

Mụn cóc sinh dục liên quan đến các týp HPV 6, 11, 16, 18.



Khả năng sinh miễn dịch của vắc xin 4vHPV ở nam giới từ 27 - 45 tuổi¹

100% nam giới có chuyển đổi huyết thanh với các týp có trong vắc xin 4vHPV

4vHPV = 4-valent human papillomavirus; CI = confidence interval: khoảng tin cậy; EGL = external genital lesion: tổn thương bộ phận sinh dục ngoài; HPV = human papillomavirus; ITT = intention-to-treat: chỉ định điều trị; PP = Per-Protocol: theo đề cương.

Tài liệu tham khảo:

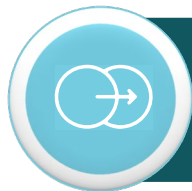
1. Giuliano AR, et al. Vaccine. 2015;33(42):5640-5646. <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/26343499/>. 2. Maldonado I, et al. Hum Vaccin Immunother. 2022;18(5):2078626. <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/35853188/>. <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/26343499/>. 3. Hillman RJ, et al. Clin Vaccine Immunol. 2012;19(2):261-267. <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/22155768/>. 4. Giuliano AR, et al. N Engl J Med. 2011;364(5):401-411. <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC3495065/>.

TỔNG KẾT HIỆU LỰC VẮC XIN HPV Ở NAM GIỚI TRƯỞNG THÀNH

ĐƯỢC XÁC ĐỊNH THÔNG QUẢ MIỄN DỊCH BẮC CẦU và TÍNH NHẤT QUÁN TRONG DỮ LIỆU VẮC XIN HPV

Cơ sở cấp phép chỉ định 9vHPV ở nam 27 – 45 tuổi của Bộ Y Tế Việt Nam và FDA Hoa Kỳ

- ✓ Dữ liệu **4vHPV** được áp dụng cho **9vHPV** vì tính tương đồng của 02 loại vắc xin
- ✓ **Sinh lý bệnh học** của bệnh liên quan HPV và cơ chế bảo vệ của vắc xin là **tương tự ở hai giới**
- ✓ **Hiệu lực 4vHPV ở nam giới 27 – 45 tuổi được công nhận**
- ✓ **Hiệu lực 9vHPV ở nam giới 27 – 45 tuổi được công nhận**



**ĐỦ CƠ SỞ công nhận hiệu lực 9vHPV
ở nam giới 27 – 45 tuổi**

4vHPV: vắc xin HPV tứ giá; **9vHPV:** vắc xin HPV chín giá; **HPV** = human papillomavirus.

Tài liệu tham khảo:

1. Thông tin kê toa Gardasil. 2. Thông tin kê toa Gardasil 9. 3. FDA NEWS RELEASE. FDA approves expanded use of Gardasil 9 to include individuals 27 through 45 years old. <https://www.fda.gov/news-events/press-announcements/fda-approves-expanded-use-gardasil-9-include-individuals-27-through-45-years-old>. 4. WHO Expert Committee on Biological Standardon. Annex 4-Recommendations to assure the quality, safety and efficacy of recombinant human papillomavirus-partie vade

KẾT LUẬN

